ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 907 /QĐ-UBND	*Yên Bái, ngày 06 tháng 6 năm 2018*

VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 1912
Ngày 23 tháng 7 năm 18

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Yên Bái năm 2018 và những năm tiếp theo

— BTTrực
— Ban P.chế
— VP tổng hợp
(gửi bản mềm)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

23.7.18

Căn cứ Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo;

MTKD
23/7

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 613/SKHĐT-TTHTDN ngày 05/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo gắn với cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh PCI của tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Phòng TMCNVN (VCCI);
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Chuyên viên khối tham mưu tổng hợp;
- Báo Yên Bái, Đài PTTH tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

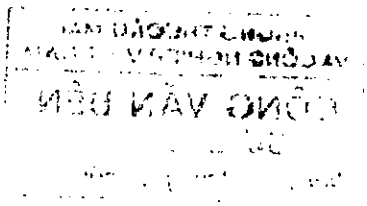

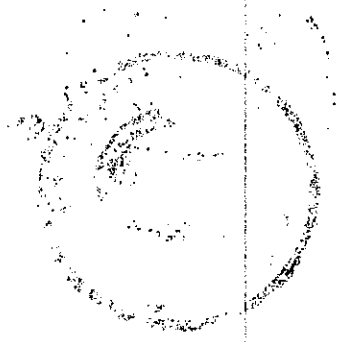

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; nâng cao năng lực cạnh tranh PCI tỉnh Yên Bái năm 2018 và những năm tiếp theo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo gắn với cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh PCI của tỉnh Yên Bái, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động với những nội dung, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt tới các cấp, các ngành, các địa phương, các đơn vị trong toàn tỉnh về nội dung các Nghị quyết số 19 đã được Chính phủ ban hành qua các năm 2014-2017 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đồng thời đưa tinh thần Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ vào thực tiễn. Khắc phục những hạn chế, những yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số PCI của tỉnh, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ và ổn định của các doanh nghiệp.

2. Mục tiêu

Nâng cao chất lượng điều hành của bộ máy chính quyền các cấp trong tỉnh. Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thông qua việc tập trung thực hiện có hiệu quả 03 đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, hấp dẫn, tạo động lực cho thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp.

Phấn đấu cải thiện điểm số PCI của tỉnh năm 2018 ≥ 62,16 điểm (mốc tổng điểm trung vị của 63 tỉnh, thành phố năm 2017), nâng vị trí xếp hạng năng lực cạnh tranh tỉnh Yên Bái năm 2018 trong khoảng vị trí 35 đến 40, phấn đấu nằm trong nhóm khá của cả nước và nằm ở nhóm dẫn đầu của các

3. Yêu cầu

Các cấp, các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định rõ các nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo và phân công chủ trì, phối hợp thực hiện, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ gắn với từng chỉ số được xác định trong Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Thủ trưởng các đơn vị, địa phương và cơ quan có liên quan căn cứ Kế hoạch hành động trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đánh giá khách quan việc triển khai thực hiện các nội dung gắn với các chỉ tiêu cụ thể. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị để góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng điều hành, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, của tỉnh trong năm 2018 và các năm tiếp theo.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cần tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể là:

- Công khai, minh bạch, hướng dẫn và thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh; các quy hoạch, kế hoạch ngành, lĩnh vực và các thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của tỉnh và tại Trung tâm phục vụ hành chính công để người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến. Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai, thuế, môi trường, bảo hiểm xã hội...

- Các hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp cần được phối hợp thực hiện, giảm tối đa số lần thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp kể cả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, đảm bảo đồng bộ, tránh chồng chéo, gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo quyền bình đẳng của doanh nghiệp trước pháp luật.

- Tăng cường kỷ cương, liêm chính trong thực thi nhiệm vụ; thay đổi nhận thức, thái độ và hành động từ quản lý sang phục vụ người dân và doanh nghiệp; kịp thời phát hiện, xử lý cán bộ, công chức không đổi mới trong cải cách thủ tục hành chính; tháo bỏ rào cản, tạo thuận lợi cho đầu tư kinh doanh, kiên quyết xử lý mọi hành vi lạm dụng thẩm quyền, vị trí làm việc để tư lợi riêng.

- Tiếp tục triển khai sáng tạo, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện các chỉ số khởi sự kinh doanh, cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan, tiếp cận điện năng, đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản, nộp thuế và bảo hiểm xã hội theo thông lệ quốc tế.

- Đổi mới và đa dạng hóa các hình thức đối thoại, gặp gỡ trao đổi với doanh nghiệp, tích cực tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp theo hướng đồng hành tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp trong khuôn khổ pháp luật. Tạo điền kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đến với Yên Bái

- Tiếp tục huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư để hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là các khu, cụm công nghiệp, giao thông.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh nhất là đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề nhằm đáp ứng nhu cầu cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban ngành, địa phương (DDCI) năm 2018 đảm bảo kết quả khảo sát chất lượng, sát thực để làm cơ sở phân tích, đánh giá các chỉ số PCI cũng như đưa ra những giải pháp cụ thể để cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Yên Bái.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

Để đạt được mục tiêu đề ra, người đứng đầu các sở, ban, ngành và địa phương cần tập trung chỉ đạo triển khai toàn diện và quyết liệt việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh PCI và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về những chỉ số, chỉ tiêu được giao.

(Biểu phân công nhiệm vụ chi tiết kèm theo)

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, theo dõi, phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện các giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần PCI: **Chỉ số Gia nhập thị trường; Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp** và đồng chủ trì **Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đầu tư nhằm giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Đặc biệt chú trọng việc hướng dẫn lập các mẫu giấy tờ, thủ tục phải đảm bảo đúng quy định, đầy đủ, dễ thực hiện và thường xuyên được cập nhật để người dân và doanh nghiệp có thể dễ dàng hoàn thiện khi khai nộp các hồ sơ, tránh phải làm lại nhiều lần.

Nâng cao chất lượng tư vấn, hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp, nâng cao chất lượng trang điện tử của đơn vị đối với hạng mục hướng dẫn thủ tục đầu tư kinh doanh; chính sách liên quan đến khu vực tư nhân để tham mưu, đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm hỗ trợ thúc đẩy khối doanh nghiệp tư nhân phát triển.

Đa dạng các hình thức tuyên truyền nhằm thu hút sự quan tâm và khích lệ doanh nghiệp, công dân thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng.

Tạo bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài trong ưu tiên giải quyết TTHC, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư,... cho doanh nghiệp.

Công khai các quy định về chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh để doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ tiếp cận và lựa chọn địa bàn, ngành nghề đầu tư phù hợp. Cụ thể hóa những chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với việc phát triển kinh tế tập thể, doanh nghiệp vừa và nhỏ và khu vực kinh tế tư nhân.

Tham mưu triển khai hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; hướng dẫn các cơ quan liên quan và cộng đồng doanh nghiệp nghiên cứu, áp dụng các chính sách hỗ trợ đầu tư mới ban hành của tỉnh.

Phối hợp với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh nghiên cứu xây dựng và triển khai mô hình "Vườn ươm khởi nghiệp" nhằm tập hợp, phát huy nguồn nhân lực có năng lực; tổ chức các buổi giao lưu giữa thanh niên, sinh viên với các doanh nhân thành đạt; tổ chức các câu lạc bộ khởi nghiệp và khuyến khích hình thành quỹ hỗ trợ khởi nghiệp những doanh nghiệp trẻ.

Bám sát các nội dung sửa đổi, bổ sung tại các quy định có liên quan để phổ biến cho doanh nghiệp nắm bắt, triển khai thực hiện.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì theo dõi và xây dựng các giải pháp cụ thể cải thiện **Chỉ số Tiếp cận đất đai.**

Tiếp tục rà soát, cải tiến các thủ tục và quy trình giải quyết TTHC liên quan đến giao đất, cho thuê đất, giải quyết kịp thời các vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường.

Tăng cường phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương và những đơn vị có liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để các doanh nghiệp triển khai dự án.

Xây dựng rõ tiêu chí, quy trình thu hồi đất theo quy định hiện hành, thường xuyên cập nhật, công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính trong giải quyết hồ sơ trên website của đơn vị để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ về bảo đảm đầu tư các dự án sử dụng đất đúng theo quy định của các luật: Đất đai, Đầu tư, Bảo vệ môi trường nhằm nâng cao chất lượng công tác thẩm định cấp quyết định chủ trương đầu tư, giao đất cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ trong việc kiểm tra, rà soát các dự án đầu tư có sử dụng đất nhưng chậm triển khai hoặc triển khai không hiệu quả, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật.

Minh bạch hóa tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất, đảm bảo cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Công khai minh bạch trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất và trình tự, thủ

tục, thời gian thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đầu tư. Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các TTHC có liên quan về đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản.

Thiết lập bộ phận đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư, tích cực tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho doanh nghiệp. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận đất đai, tăng cường đối thoại chuyên đề để hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận quỹ đất.

Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn, tăng cường năng lực cho hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn nhằm khắc phục khó khăn, bất cấp và nâng cao tính chuyên nghiệp của các tổ chức này, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp của Luật Đất đai và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện liên thông, kết nối điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

2.3. Sở Tư pháp: Chủ trì, theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần PCI: **Chỉ số Tính minh bạch và Chỉ số Thiết chế pháp lý**

Phát triển đội ngũ quản tài viên, trọng tài và luật sư, nhất là luật sư chuyên sâu về kinh tế và thương mại trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tăng cường gặp gỡ đối thoại với các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp hỗ trợ pháp lý trên địa bàn tỉnh để có những giải pháp hỗ trợ kịp thời, hiệu quả. Thông tin tuyên truyền để khuyến khích doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng Tòa án để giải quyết các tranh chấp.

Chủ trì phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Công an tỉnh và các địa phương nghiên cứu, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm duy trì và cải thiện hơn nữa điểm số các chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý và Tính minh bạch.

Phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan hoàn thiện công khai thủ tục hành chính về giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp, đảm bảo các mục tiêu theo Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ.

Phối hợp với Chi cục Thi hành án dân sự đẩy nhanh tiến độ và rút ngắn thời gian thi hành án dân sự để tăng niềm tin của doanh nghiệp đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật, qua đó doanh nghiệp có thể lựa chọn tòa án và trọng tài kinh tế để giải quyết tranh chấp.

Đẩy nhanh tiến độ công bố các bộ thủ tục hành chính đối với các trường hợp có sự thay đổi theo các luật mới; đề xuất mở rộng việc tiếp tục rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp; tiếp nhận kiến nghị và giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho Hiệp hội doanh nghiệp tham gia hoạt động phản biện khi tỉnh xây dựng, ban hành các chính sách mới. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống tư pháp nhằm đảm bảo các thiết chế pháp lý được thực thi đúng quy định, đặc biệt là trong giải quyết tranh chấp kinh tế, khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính tư pháp theo Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật Phá sản năm 2014.

2.4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện **Chỉ số Đào tạo lao động**

Kết nối hiệu quả thông tin thị trường lao động trong tỉnh, quốc gia và dự báo nhu cầu nhân lực nhằm đáp ứng tốt nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

Chủ trì rà soát các TTHC liên quan đến thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh đảm bảo đơn giản, thuận tiện.

Tiếp tục nghiên cứu rút ngắn thời gian cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài so với thời gian quy định của nhà nước. Tăng cường quản lý giám sát việc sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Nghiên cứu và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ cho tuyển dụng lao động đối với các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích thu hút đầu tư vào tỉnh.

Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo lao động, cung ứng nguồn lao động đáp ứng nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lao động trong doanh nghiệp; tăng cường hỗ trợ thiết lập, phát triển quan hệ lao động hài hòa trong doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện các quy hoạch, đề án nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường lao động, bảo đảm tính thống nhất và linh hoạt, tạo thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy trình thực hiện và nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội; phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh nghiên cứu, đánh giá thực trạng thu, chi bảo hiểm xã hội, từ đó kiến nghị sửa đổi các quy định nhằm đảm bảo hiệu quả chính sách và khuyến khích doanh nghiệp phát triển.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động, người sử dụng lao động tuyển dụng thông qua sàn giao dịch việc làm.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đổi mới phương pháp đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, liên kết giữa các cơ sở trong và ngoài tỉnh.

2.5. Thanh tra tỉnh: Chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện **Chỉ số chi phí không chính thức**

Thường xuyên rà soát, cập nhật, công khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra và kiểm toán doanh nghiệp để tránh trùng lặp, chồng chéo; đảm bảo nguyên tắc không thanh tra, kiểm tra quá 1 lần/1doanh nghiệp/năm; không thanh tra khi không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng quy định về thanh tra, đặc biệt là thanh tra chuyên ngành, kiểm tra và kiểm toán theo hướng lồng ghép, phối hợp và kế thừa kết quả hoạt động giữa các cơ quan.

Tham mưu xây dựng đa dạng các kênh phát hiện thông tin, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế về tố cáo hành vi nhũng nhiễu và có cơ chế kiểm tra giám sát chặt chẽ nhằm kiểm soát, ngăn chặn kịp thời hành vi có biểu hiện những nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

2.6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện **Chỉ số Tính năng động** và đồng chủ trì **Chỉ số cạnh tranh bình đẳng**

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận những kiến nghị, khó khăn, vướng mắc, báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời tháo gỡ, giải quyết cho doanh nghiệp.

Xây dựng đa dạng kênh thông tin để triển khai hiệu quả hơn việc công bố các tài liệu pháp lý, các văn bản pháp luật của trung ương và của tỉnh để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận.

Tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả việc thực thi ở các địa phương về các giải pháp, chính sách hỗ trợ các sáng kiến của tỉnh. Công khai hóa tất cả các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh lên Cổng thông tin điện tử (trừ văn bản mật và công việc đặc thù)

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và đơn vị liên quan tiếp tục tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh có cơ chế, chính sách phù hợp để vận dụng linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công phụ trách theo dõi và thực hiện nghiêm quy định về thời gian trong giải quyết các thủ tục hành chính theo nhiệm vụ được phân công.

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trong việc giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý nghiêm cán bộ, công chức khi thi hành công vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công có hành vi nhũng nhiễu đối với tổ chức, cá nhân đến giải quyết TTHC.

Thực hiện quản lý, theo dõi, kiểm tra toàn diện đối với đội ngũ cán bộ, công chức cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; chủ trì đề nghị các sở, ban, ngành và địa phương thay thế cán bộ, công chức khi có thông tin, phản ánh của doanh nghiệp, công dân về các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, gây khó khăn của cán bộ, công chức hoặc bổ sung cán bộ, công chức đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để đảm bảo yêu cầu công việc. Thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng trong tiếp xúc với công dân, doanh nghiệp cho cán bộ giải quyết công việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2.7. Sở Nội vụ: Chủ trì theo dõi và thực hiện các giải pháp cải thiện **Chỉ số Chi phí thời gian**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh kế hoạch triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh năm 2018.

Chủ trì rà soát thời hạn giải quyết TTHC đảm bảo không để xảy ra tình trạng chậm trễ; công khai việc giải quyết các TTHC của các sở, ban, ngành, địa phương đối với người dân, doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin của tỉnh.

Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công triển khai hình thức đánh giá cán bộ, công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm, thái độ ứng xử của cán bộ, công chức khi tiếp xúc trực tiếp với nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

2.8. Sở Công Thương: Đồng chủ trì và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện các giải pháp cải thiện **Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp.**

Tiếp tục triển khai tập huấn và có các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp trong tham gia hội nhập kinh tế quốc tế; nghiên cứu xây dựng chuỗi liên kết, hỗ trợ giữa các doanh nghiệp trong tỉnh.

Tăng cường tổ chức và phát huy hiệu quả các chương trình hội chợ thương mại, xúc tiến thương mại và có đánh giá hiệu quả mức độ kết nối thị trường sau mỗi chương trình hội chợ, xúc tiến thương mại.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ logistic, từng bước giảm chi phí logistic để tạo thuận lợi và giảm chi phí kinh doanh, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu các ngành kinh tế.

Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong đầu tư mở rộng sản xuất, đăng ký thương hiệu, có chất lượng cao; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận với các dịch vụ tư vấn pháp lý...

Đẩy mạnh công tác phổ biến, cung cấp thông tin về các cam kết quốc tế, hiệp định kinh tế - thương mại đã được ký kết nhằm nâng cao năng lực hội nhập cho doanh nghiệp, tiếp cận và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Chủ trì, phối hợp với Công ty Điện lực Yên Bái, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện công khai quy trình thủ tục Tiếp cận điện năng.

Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan kiểm soát có hiệu quả tình trạng độc quyền trong kinh doanh.

2.9. Sở Khoa học và Công nghệ

Công bố thông tin đầy đủ về kết quả nghiên cứu ứng dụng của các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ thực hiện bằng ngân sách nhà nước trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh đăng ký, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tổ chức thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh để tăng giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Mở rộng phạm vi hỗ trợ và đẩy mạnh hoạt động của chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học công nghệ theo hướng chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao; hỗ trợ doanh nghiệp liên kết, hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học trong việc đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới, đào tạo nhân lực... trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh.

Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia giải thưởng Chất lượng quốc gia nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, hàng hóa và thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích và đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

2.10. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với các cơ quan báo chí của tỉnh, các cơ quan báo chí thường trú trên địa bàn tỉnh, hợp tác truyền thông với tỉnh để tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ; các chương trình kế hoạch hành động của tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và các hoạt động liên quan đến công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tiếp cận, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện.

Chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và đánh giá hiệu quả việc cung cấp các thông tin trên Cổng thông tin của tỉnh và các sở, ban, ngành và địa phương nhằm tăng cường tính minh bạch trong việc tiếp cận thông tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin - viễn thông.

Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước; phát triển hạ tầng bưu chính viễn thông theo hướng hiện đại, đa dạng các loại hình dịch vụ và nghiên cứu, phát triển các dịch vụ công nghệ thông tin; hướng dẫn, giúp đỡ các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh theo đúng quy hoạch và các quy định của pháp luật; tăng cường quản lý, bảo mật thông tin trên mạng.

2.11. Sở Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng và công bố thường niên chỉ số phát triển giáo dục địa phương; tiếp tục thực hiện đề án đo lường sự hài lòng của nhân dân đối với dịch vụ giáo dục công.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học tại các cơ sở giáo dục. Tăng cường giải pháp hiệu quả nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng giáo dục đào tạo theo cơ chế thị trường gắn với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng và đầu ra.

Củng cố và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo cung cấp dịch vụ đào tạo về tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp đảm bảo cung ứng nguồn lao động đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

2.12. Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp với Công an tỉnh (Cảnh sát phòng cháy chữa cháy), Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng. Công khai các quy hoạch ngành đã được phê duyệt, rà soát và cắt giảm các TTHC thuộc lĩnh vực xây dựng.

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan duy trì và tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế, chất lượng thi công công trình xây dựng.

Nâng cao chất lượng công tác thanh tra xây dựng hướng tới mục tiêu hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ tốt các quy định của pháp luật. Thực hiện quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác thực hiện bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

2.13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các lĩnh vực thuộc ngành quản lý đảm bảo khả năng cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư đối với các địa phương trong cả nước và phục vụ công tác cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Chủ động hướng dẫn, định hướng và cung cấp thông tin cập nhật lĩnh vực, ngành nghề và thị trường tiêu thụ để các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp biết và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

Thường xuyên cập nhật các giải pháp hiệu quả nhằm hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, từng bước chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng, hiệu quả và nâng cao giá trị, gắn sản xuất với thị trường. Đồng thời xây dựng, đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường kiểm soát, quản lý nghiêm ngặt về an toàn chất lượng sản phẩm nông sản. Tham mưu triển khai chương tình phát triển sản phẩm nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, hữu cơ.

2.14. Sở Tài chính

Chủ động phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và các đơn vị có liên quan kiểm tra, hỗ trợ đầu tư các mô hình, dự án, trang trại; thẩm định và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân căn cứ theo các văn bản về chính sách ưu đãi của trung ương và của tỉnh.

Tiếp tục công bố đầy đủ các tài liệu về ngân sách của tỉnh, của các địa phương trên Website của tỉnh, Sở Tài chính, các huyện, thị xã, thành phố để doanh nghiệp nghiên cứu sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh (thực hiện công khai ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

Đẩy mạnh tái cấu trúc lại khu vực doanh nghiệp nhà nước theo chỉ đạo của Chính phủ; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện thoái vốn nhà nước tại các công ty cổ phần còn vốn nhà nước; thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

Rà soát, đánh giá việc công khai, minh bạch quy trình cấp phát vốn ngân sách nhà nước; đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động sự nghiệp.

Tăng cường công tác giám sát tài chính doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước để nắm bắt kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; đề xuất phương án, cơ chế tài chính, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tiếp cận các nguồn vốn kinh doanh nhanh gọn và hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác cải cách TTHC đặc biệt trong lĩnh vực thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; kiểm tra hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá; cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.

Phối hợp với Sở Công Thương kiểm soát chặt chẽ độc quyền, chống cạnh tranh không lành mạnh về giá và bán phá giá. Đề xuất hỗ trợ kinh phí đối với các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hội chợ thương mại theo quy định.

Rà soát, thẩm định kịp thời các phương án giá do các doanh nghiệp, tổ chức lập theo quy định của pháp luật như: Giá cước vận tải, giá dịch vụ công ích, thủy lợi, giá nước sạch....

2.15. Sở Giao thông vận tải

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chỉ số hài lòng của tổ chức và công dân trong lĩnh vực giao thông vận tải; tiếp tục đầu tư về nhân lực và điều kiện cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phát triển hạ tầng giao thông. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng các công trình, dự án; kịp thời điều chỉnh quy mô, tiến độ những công trình, dự án chưa thật sự cần thiết, hiệu quả thấp và kiên quyết xử lý những công trình chậm tiến độ.

Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với thực tế của tỉnh để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nói chung trong đó có hạ tầng giao thông vận tải bằng các hình thức phù hợp nhằm tạo thuận lợi và giảm chi phí cho doanh nghiệp.

2.16. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành du lịch; cải thiện toàn diện môi trường kinh doanh du lịch, chấn chỉnh hoạt động của các tour, tuyến du lịch.

Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo an toàn tuyệt đối cho du khách; xây dựng cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, xử lý kịp thời đối với các trường hợp tiêu cực trong lĩnh vực du lịch và thường xuyên thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động quản lý và kinh doanh du lịch.

Đẩy mạnh việc công khai minh bạch, công khai quy trình thủ tục hồ sơ, biểu mẫu thủ tục hành chính, quy định thời gian giải quyết theo nhiều hình thức; niêm yết, đưa lên trang thông tin điện tử của sở.

2.17. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan công khai các quy trình, thủ tục về kiểm tra an toàn thực phẩm theo hướng áp dụng chủ yếu kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm tra trong quá trình sản xuất; triển khai thực hiện công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trong các cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là các khu và địa điểm du lịch.

Nâng cao chất lượng hạ tầng y tế, các cơ sở khám chữa bệnh từ cấp tỉnh đến cấp cơ sơ, tạo thuận lợi cho người dân khám chữa bệnh một cách tốt nhất.

Phối hợp với Bảo hiểm xã hội ban hành đầy đủ, cụ thể các quy trình chuyên môn, hướng dẫn điều trị và điều kiện thanh toán bảo hiểm y tế để áp dụng giám định điện tử.

2.18. Ban quản lý các Khu công nghiệp

Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp nâng cao hệ thống hạ tầng cơ sở trong các khu công nghiệp. Thực hiện thu hút đầu tư, quản lý và khai thác hiệu quả các khu công nghiệp.

Phối hợp với sở, ngành có liên quan tiếp tục rà soát, cắt giảm các TTHC liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư tại các khu công nghiệp .

Nghiên cứu, tiếp tục cắt giảm tối đa TTHC trong lĩnh vực đầu tư vào khu công nghiệp nhằm giảm tối đa thời gian chi phí cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Công khai quỹ đất sạch trong các khu công nghiệp bằng nhiều hình thức khác nhau để nhà đầu tư, doanh nghiệp nắm bắt được thông tin.

2.19. Tòa án nhân dân tỉnh

Có các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động xét xử các vụ án, cắt giảm thời gian đối với các vụ kiện, tranh chấp của doanh nghiệp; có giải pháp cụ thể về cắt giảm thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng dưới 90 ngày.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các quy định liên quan đến tranh chấp, đặc biệt là kiến thức trong giải quyết tranh chấp, khiếu kiện đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài.

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan hoàn thiện, công khai TTHC về giải quyết tranh chấp hợp đồng và phá sản doanh nghiệp.

2.20. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các địa phương và các cơ quan liên quan, có giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần liên quan đến an ninh trật tự, đảm bảo mục tiêu yêu cầu của tỉnh (theo chỉ số thành phần PCI đề ra).

Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn, đảm bảo ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; chủ động nắm bắt tình hình diễn biến hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để kịp thời cung cấp thông tin cho các cơ quan đầu mối quản lý doanh nghiệp trong trường hợp cần thiết.

Công khai đầy đủ các điều kiện kinh doanh và hỗ trợ phát triển dịch vụ phòng cháy chữa cháy. Cải cách thủ tục thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy; công tác kiểm tra phòng cháy, chữa cháy đảm bảo thực hiện nghiêm quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy.

Chủ trì nghiên cứu rà soát, sửa đổi bổ sung theo hướng cải cách quy trình, TTHC về thẩm duyệt PCCC; nghiên cứu lồng ghép thủ tục thẩm định PCCC với thẩm định thiết kế xây dựng bảo đảm nâng cao chất lượng thẩm định phòng PCCC.

2.21. Cục Thuế tỉnh

Tích cực triển khai những giải pháp nhằm chấn chỉnh tình trạng tiêu cực, nhũng nhiễu trong quản lý thuế. Xây dựng và ban hành cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ, xử lý nghiêm khắc, kịp thời các hành vi tiêu cực, gây phiền hà cho doanh nghiệp và cá nhân nộp thuế; tuyệt đối xóa bỏ tình trạng thỏa thuận với doanh nghiệp để mưu lợi và làm thất thu thuế.

Đẩy mạnh cải cách TTHC, cắt giảm số giờ tuân thủ về thuế, công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm 100% hồ sơ hoàn thuế được kiểm tra và 100% hồ sơ khiếu nại của người nộp thuế được giải quyết đúng thời gian quy định của pháp luật. Công khai, minh bạch các quy định của Luật Quản lý thuế, các quy trình thanh tra, giải quyết khiếu nại và hoàn thuế giá trị gia tăng.

Tăng cường áp dụng quản lý thuế theo mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; công tác quản lý thu, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; công tác quản lý nội ngành.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách thuế và quản lý thuế. Thông tin, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, định hướng và những biện pháp chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế về quản lý thuế nói chung và cải cách TTHC thuế nói riêng trong đó tập trung các nội dung quản lý thuế hiện đại (khai, nộp thuế điện tử...).

Tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các quy trình, quy chế nghiệp vụ liên quan trực tiếp đến người nộp thuế, đảm bảo đưa chính sách thực sự đi vào cuộc sống, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

2.22. Chi cục Hải quan tỉnh

Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hải quan năm 2014. Thực hiện ứng dụng hiệu quả hệ thống thông quan điện tử; đảm bảo công tác quản lý hải quan hiện đại, tiện lợi tại các đơn vị, tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu.

Thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để đảm bảo tính thống nhất.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện cải cách thủ hành chính trong lĩnh vực hải quan, tăng cường đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp.

Có giải pháp giảm mạnh thời gian thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu, bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn hải quan hiện đại; tiếp tục rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa tối đa 10 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, 12 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu; mục tiêu đến năm 2020, thời gian thông quan hàng hóa dưới 36 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu, 41 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu; cơ bản vận hành hiệu quả Hải quan một cửa quốc gia, kết nối với các bộ ngành liên quan.

2.23. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ doanh nghiệp đối với người lao động, kịp thời nắm bắt giải quyết chế độ chính sách cho người lao động.

Tập trung rà soát, đề xuất rút ngắn thời gian tiếp nhận hồ sơ, quy trình và thủ tục kê khai thu, cấp sổ, thẻ và chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Nâng cao chất lượng công tác giám định bảo hiểm y tế, nghiên cứu kết nối điện tử với các bệnh viện, phòng khám, đảm bảo chi trả bảo hiểm y tế đúng, kịp thời và tránh thất thoát.

Ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối mạng giữa các cơ quan bảo hiểm xã hội của 63 tỉnh, thành phố, tạo lập cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội tập trung của cả nước, tiến tới thực hiện giao dịch điện tử đối với các thủ tục kê khai, thu nộp và giải quyết chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Xây dựng quy trình, thủ tục thanh tra, kiểm tra bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với doanh nghiệp để thống nhất thực hiện.

2.24. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Yên Bái

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho doanh

nghiệp và người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng. Tiếp tục thực hiện các chương trình tiếp xúc, kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp.

Tổ chức thực hiện các giải pháp cải thiện và minh bạch hóa thông tin tín dụng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng theo cơ chế thị trường và chính sách hỗ trợ phát triển các dịch vụ tài chính theo kế hoạch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ như thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội...

2.25. Báo Yên Bái, Đài Phát thanh và Truyền hình Yên Bái, Cổng thông tin điện tử tỉnh

Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động đến các ngành, các cấp; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính, tạo đồng thuận trong xã hội và thúc đẩy mạnh mẽ công tác cải cách thủ tục hành chính tại các sở, ban ngành, địa phương.

Phổ biến, tuyên truyền về kế hoạch hành động của Chính phủ và của tỉnh. Chủ động cập nhật và xây dựng tin bài về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Xây dựng trang chuyên đề về PCI, bố trí tin bài, thời gian, thời lượng phát sóng tin bài hợp lý, hiệu quả.

2.26. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Nâng cao vai trò và hỗ trợ hội viên; thông tin kịp thời các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; lắng nghe và tập hợp ý kiến, khó khăn, vướng mắc của hội viên để phản ánh với Ủy ban nhân dân tỉnh; động viên các doanh nghiệp chấp hành pháp luật, thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nhà nước, tạo thuận lợi cho các cơ quan nhà nước hoàn thành nhiệm vụ.

Thường xuyên thu thập các ý kiến của các doanh nghiệp về phản biện chính sách của tỉnh, những khó khăn bất cập trong thực hiện TTHC thuộc lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng ... để phản ánh với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, kịp thời tháo gỡ.

Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp mới liên quan đến công tác hỗ trợ doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả. Tuyên truyền về vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

2.27. Liên minh Hợp tác xã

Là đầu mối hỗ trợ các hợp tác xã trong việc thành lập mới, thực hiện phát triển HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Tăng cường tập huấn, nâng cao nhận thức của các HTX trong công tác quản trị, khởi nghiệp. Chủ động đề xuất với tỉnh cơ chế chính sách riêng để giúp các HTX, doanh nghiệp ngày càng phát triển.

2.28. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể nhằm nâng cao chất lượng trong cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chất lượng điều hành kinh tế của địa phương.

Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục pháp lý, cơ sở vật chất để đưa bộ phận phục vụ hành chính công cấp huyện vào hoạt động.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các chủ trương, chính sách của trung ương, của tỉnh. Có giải pháp thực triển khai hiệu quả các chỉ số thành phần PCI theo nhiệm vụ được phân công.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính về quy trình đầu tư xây dựng cơ bản, các văn bản tài liệu hướng dẫn thực hiện công tác đăng ký kinh doanh, các thủ tịch hành chính về thuế, đất đai, khoa học công nghệ ... cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tại bộ phận giao dịch "Một cửa, Một cửa liên thông" tại địa phương.

Chủ động thường xuyên gặp gỡ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn để kịp thời hỗ trợ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tại địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin. Tích cực đẩy mạnh các chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch nhằm quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương.

Nghiêm túc thực hiện các quy định về đất đai, xây dựng, môi trường, đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư và các thủ tục hành chính liên quan, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền loại bỏ cho phù hợp với quy định của pháp luật, nhất là trong lĩnh vực tiếp cận đất đai, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và vận hành chính quyền điện tử nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu, thông tin, văn bản, các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước trên trang thông tin điện tử.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao phấn đấu vượt các chỉ tiêu theo Kế hoạch hành động đề ra và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện Kế hoạch hành động này.

- Tổ chức quán triệt và tập trung chỉ đạo quyết liệt, phấn đấu vượt các chỉ tiêu cũng như thực hiện các giải pháp theo Kế hoạch hành động đề ra.

- Thực hiện nghiêm quy định chế độ báo cáo, cụ thể: Trước ngày 10 của tháng cuối quý và trước ngày 10 tháng 12, tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện quý và cả năm (*báo cáo yêu cầu ngắn, gọn, rõ kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Đề án, Chỉ thị của trung ương và địa phương chuyển biến về thời gian thực hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc... thay đổi tiêu chí nào liên quan cải thiện môi trường đầu tư, cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh)* gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Yên Bái, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức phổ biến Kế hoạch hành động này đến các ngành, các cấp; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính, tạo đồng thuận trong xã hội và thúc đẩy mạnh mẽ công tác cải cách thủ tục hành chính tại các sở, ban ngành, địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra quá trình thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm tổng hợp báo cáo kết quả gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thường trực Tỉnh ủy.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện những khó khăn, vướng mắc phát sinh kịp thời có văn bản phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nâng cao năng lực cạnh tranh PCI tỉnh Yên Bái năm 2018 và những năm tiếp theo)

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Chỉ số gia nhập thị trường	**7.65 (43/63)**	**7,84**	**≥7.84 điểm (≤ 35/63)**				
Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	7	6	Giảm số ngày	≤6	Sở KHĐT	TT hành chính công	Thực hiện hiệu quả hoạt động đăng ký doanh nghiệp theo quy trình hiện nay. Tiếp tục thực hiện đơn giản hóa Thủ tục thành lập DN còn 3 ngày, có thể xuống 2 ngày.
Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	3	4,5	Duy trì mức điểm năm 2017	≤ 3 ngày	Sở KHĐT	TT hành chính công	
Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	25%	13%	Giảm 12%	≤13%	Sở KHĐT	TT hành chính công, Cục thuế và các đơn vị liên quan	Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thống nhất đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả keeys quả tại trung tâm giao dịch một cửa nhằm tăng cường trách nhiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ.
Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	6%	3%	giảm 3%	≤3%	Sở KHĐT		
Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện(%)	7%	13%	Tăng tối thiểu 6%	≥13%	Trung tâm HC công	Sở kế hoạch và đầu tư; các đơn vị liên quan	Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm thu hút sự quan tâm và khích lệ doanh nghiệp, công dân thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục ược niêm yết công khai(%)	84%	78%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥84%	Trung tâm HC công	Sở kế hoạch và đầu tư; các đơn vị liên quan	Tiến hành niêm yết công khai toàn bộ TTHC tại trụ sở TTHCC và các bộ phận một cửa.
Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ ướng dẫn rõ ràng, đầy đủ(%)	87%	89%	Tăng tối thiểu 2%	≥89%	Trung tâm HC công	Sở kế hoạch và đầu tư; các đơn vị liên quan	Tập huấn cho cán bộ làm việc tại TTHCC tỉnh và các Bộ phận một cửa về cách thức giao tiếp, hướng dẫn DN thực hiện thủ tục
Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ m hiểu chuyên môn(%)	82%	72%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥82%	Trung tâm HC công		Thường xuyên kiểm tra trình độ, mức độ am hiểu trình tự thủ tục hành chính, luật pháp liên quan của cán bộ làm việc tại TTHCC tỉnh và các bộ phận một cửa tại các huyện, TX, TP. Lựa chọn cán bộ làm việc tốt, có trách nhiệm và kinh nghiệm hướng dẫn, giải đáp để thực hiện các giao dịch với DN
Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hiệt tình, thân thiện(%)	75%	76%	Tăng tối thiểu 1%	≥76%	Trung tâm HC công		
Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	62%	60%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥62%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, TX, TP, TTHCC	Nghiên cứu phương án sử dụng thống nhất các ứng dụng CNTT tại tất cả các trung tâm một cửa của tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh phương án nâng cấp ứng dụng CNTT đảm bảo giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính và nhu cầu tra cứu thông tin cho DN và người dân.
Chỉ số Tiếp cận đất đai	**5.36** (58/63)	**6,33**	**≥6.33** (≤ 40/63)				
Tỉ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (%)	52%	58%	Tăng 6%	≥58%	Sở TNMT	UBND các huyện, TX, TP	Tiến hành rà soát diện tích đất chưa được cấp Giấy CN quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; đề xuất và triển khai hiệu quả giải pháp để đẩy mạnh việc cấp giấy CN quyền SD đất cho số diện tích đất chưa được cấp còn lại

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	15	25	Duy trì mức điểm năm 2017	≤15	Sở TNMT	UBND các huyện, TX, TP	Thực hiện duy trì thời gian thực hiện Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	30%	25%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥30%	Sở TNMT	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai và cung cấp thông tin đất đai, tài sản gắn liền đất; Thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp giấy CNQSD đất thông qua dịch vụ tin nhắn SMS, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin đất đai.
Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch(%)	25%	15%	giảm tỷ lệ	≤15%	Sở TNMT	UBND các huyện, TX, TP	
Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng(%)	40%	29%	giảm tỷ lệ	≤29%	Sở TNMT	UBND các huyện, TX, TP	Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai, tăng cường đối thoại chuyên đề để hướng dẫn các DN tiếp cận quỹ đất
Giải phóng mặt bằng chậm (%)	23%	16%	giảm tỷ lệ	≤16%	Sở TNMT	UBND các huyện, TX, TP	Tiếp tục kiện toàn Hội đồng GPMB, Hỗ trợ tái định cư các huyện, TX, TP, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của HĐBT GPMB chuyên trách. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện nhận chuyển nhượng quyền SDĐ thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh. Rà soát, đánh giá, điều chỉnh và công khai bảng giá đất trên địa bàn tỉnh. Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các thủ tục hành chính có liên quan về đăng ký quyền sở hữu đất …
DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất cao; 5=Rất thấp)	1,55	1,61	Tăng số điểm	≥1.61	Sở TNMT	UBND các huyện, TX, TP	
Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn/nhiều khả năng)	35%	28%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥35%	Sở TNMT	UBND các huyện, TX, TP	

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	67%	78%	tăng 12%	≥78%	Hội đồng thẩm định giá đất	Sở TNMT, Tài chính	Công khai quá trình điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá trị đất thị trường và thoogn tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai của cơ quan nhà nước quản lý để DN có cơ sở so sánh, đánh giá sự phù hợp giữa sự thay đổi khung giá đất và sự thay đổi giá thị trường
					Sở TNMT	các đơn vị có liên quan	Rà soát, đánh giá và điều chỉnh hợp lý về áp dụng hệ số K và tỷ lệ % áp dụng tính tiền thuê đất đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương, nhằm tạo điều kiện cho các DN mở rộng đầu tư tại địa phương.
DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	24%	25%	tăng tối thiểu 1%	≥25%	Sở TNMT	UBND các huyện, TX, TP	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai và cung cấp thông tin đất đai, tài sản gắn liền đất; Thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp giấy CNQSD đất thông qua dịch vụ tin nhắn SMS, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin đất đai.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Chông có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu %)	31%	15%	Giảm 16%	≤15%	Sở TNMT;	TTHCC; UBND các huyện, TX, TP	Duy trì và công bố công khai đường dây nóng của Sở TN và MT để tiếp nhận phản ảnh và hướng dẫn, giải đáp cho DN về lĩnh vực đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc của DN. Công khai quá trình giải quyết TTHC liên quan tại Trung tâm HCC, các bộ phận một cửa tại các huyện, TX, TP và Sở TNMT
Chỉ số tính minh bạch	**6.16** (44/63)	**6,34**	**≥6.34** (≤ 35/63)				
Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Rất lễ; 5=Không thể)	2,36	2,44	Duy trì mức điểm năm 2017	≤2.36	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	TTHCC và các đơn vị liên quan	Công khai minh bạch, phổ biến các tài liệu của TW, của tỉnh, đặc biệt là quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH, sử dụng đất, quy hoạch ngành. Đồng thời công khai thông tin về cán bộ chịu trách nhiệm giải thích, hướng dẫn, tiếp nhận và phản hồi những thắc mắc, kiến nghị của DN trên cổng thông tin điện tử của đơn vị mình.
Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Rất dễ; 5=Không thể)	3,07	3,06	Giảm số điểm	≤3.06	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Công khai 100% tài liệu liên quan như: Luật, nghị định, các văn bản hướng dẫn của cấp TW, công báo tinhrm biểu mẫu TTHC …trên website của các Sở, ngành,, UBND các huyện, TX, TP.
Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	82%	83%	Tăng tỷ lệ	≥83%	Sở Tài chính	UBND các huyện, TX, TP	Tiếp tục công bố đầy đủ, chi tiết các tài liệu về ngân sách của tỉnh, của huyện trên website của tỉnh, Sở tài chính, các huyện, TX, TP để DN nghiên cứu sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
hông tin mời thầu được công hai(%)	40%	50%	Tăng tỷ lệ	≥50%	Sở KHĐT	UBND các huyện, TX, TP	Tăng cường công tác thông tin đấu thầu, công khai minh bạch các dự án đầu tư để công đồng DN được biết, tạo thuận lợi nhất cho DN tham gia.
ỉ lệ DN nhận được thông tin, văn ản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh ung cấp (%)	77%	71%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥77%	Các Sở, ban, ngành và địa phương	các đơn vị có liên quan	Người đứng đầu các Sở, ban, ngành và các Địa phương có trách nhiệm quán triệt cán bộ, công chức trong việc cung cấp thông tin, văn bản khi DN có yêu cầu trong thời gian ngắn nhất.
ố ngày để nhận được thông tin, văn ản sau khi đã đề nghị cung cấp trung vị)	3	4	Duy trì mức điểm năm 2017	≤3	Các Sở, ban, ngành và địa phương	các đơn vị có liên quan	
ần có 'mối quan hệ' để có được các ài liệu của tỉnh (%)	75%	70%	Giảm tỷ lệ	≤70%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Thiết lập và công khai số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận các phản ánh của DN về việc không thể tiếp cận các tài liệu liên quan đến quy hoạch, kế hoạch, pháp lý. Tham mưu cho UBND tỉnh xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ không cung cấp thông tin.
Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%)	53%	54%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤53%	Cục Thuế tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Có biện pháp nhằm chấn chỉnh ngay tình trạng hộ kinh doanh, DN, Nhà đầu tư thương lượng với cán bộ thuế trong thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.
Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% chắc chắn)	4%	6%	tăng tỷ lệ	≥6%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác thực thi các văn bản QPPL của TW đảm bảo hiệu quả, phù hợp với địa phương.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Vai trò HHDN trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh (% lớn/rất lớn)	46%	48%	tăng tỷ lệ	≥48%	Hiệp hội doanh nghiệp	các đơn vị có liên quan	nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong phản biện chính sách của tỉnh; tham gia các chương trình hỗ trợ DN, tư vấn …
Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh (Nhóm nghiên cứu PCI)	32,5	33,5	tăng tỷ lệ	≥33.5	Sở Thông tin và truyền thông; Cổng thông tin ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Tiếp tục tổng hợp, cập nhật định kỳ các tài liệu quy hoạch, kế hoạch kinh tế xã hội, quy hoạch ngành, sản phẩm; bộ thủ tục hành chính từng ngành, từng cấp; danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư; giới thiệu tiềm năng, lợi thế, cơ hội đầu tư; tình hình kinh tế xã hội ...để đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh ... Tham mưu nâng cấp hạ tầng viễn thông và dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, tạo điều kiện cho DN tra cứu thuận lợi, nhanh chóng
Tỉ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	73%	73%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥73%			
Chỉ số Chi phí thời gian	**5.89** (50/63)	**6,48**	**≥6.48** (≤ 35/63)				
Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL (%)	24%	32%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤24%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, hộ kinh doanh về các quy định của TW, các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách do tỉnh ban hành, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của DN, nhà đầu tư. Tuyên truyền phổ biến các Luật, văn bản QPPL liên quan đến đầu tư, kinh doanh.
CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	65%	72%	Tăng tỷ lệ	≥72%	Trung tâm HC công	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Nghiên cứu phương án chấm điểm cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
CBCC thân thiện (%)	64%	67%	Tăng tỷ lệ	≥67%	Trung tâm HC công	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Nghiên cứu phương án chấm điểm cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.
DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	51%	55%	Tăng tỷ lệ	≥55%	Trung tâm HC công; Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	các đơn vị có liên quan	Công bố, niêm yết công khai quy trình giải quyết các TTHC; tiếp tục rà soát, cắt giảm số lượng, thời gian giải quyết các TTHC
Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	46%	52%	Tăng tỷ lệ	≥52%	Trung tâm HC công; Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	các đơn vị có liên quan	Tiếp tục đơn giản hóa, cải cách TTHC tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Người dân, doanh nghiệp
Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)	88%	92%	Tăng tỷ lệ	≥92%	Trung tâm HC công; Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	các đơn vị có liên quan	Công bố, niêm yết công khai phí, lệ phí giải quyết TTHC

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	56%	67%	Tăng tỷ lệ	≥67%	Trung tâm HC công; Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	các đơn vị có liên quan	Công bố, niêm yết công khai quy trình giải quyết các TTHC; tiếp tục rà soát, cắt giảm số lượng, thời gian giải quyết các TTHC
Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm(%)	8%	7%	Giảm tỷ lệ	≤7%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thống nhất giữa các cơ quan chuyên môn, tránh chồng chéo, trùng lặp và tuân theo quy định pháp luật về thanh tra; đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, không làm cản trở hoạt động của DN. Đảm bảo nguyên tắc không thanh tra, kiểm tra quá 1 lần/1DN/Năm; không thanh tra, kiểm tra khi không có căn cứ theo quy định của PL
Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	14%	13%	Giảm tỷ lệ	≤13%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	
Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	24	9	Giảm số giờ	≤9%	Cục Thuế tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Rút ngắn thời gian thanh kiểm tra Thuế đảm bảo hiệu quả.
Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiễu DN(%)	19%	19%	Duy trì mức điểm năm 2017, phấn đấu o%	≤19%	Thanh tra tỉnh; Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Tăng cường công tác thanh kiểm tra Công vụ, có biện pháp xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, những nhiễu gây khó khăn cho DN.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Chỉ số Chi phí không chính thức	**4.31** (56/63)	**5,31**	**≥5.31** (≤40/63)				
Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CKKCT (% Đồng ý)	61%	59%	Giảm tỷ lệ	≤59%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng của tỉnh. Đồng thời kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, sách nhiễu, có thái độ của quyền đối với nhân dân và doanh nghiệp.
Tỉ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	14%	10%	Giảm tỷ lệ	≤10%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Tham mưu, xây dựng đa dạng các kênh phát hiện thông tin, tiếp nhận ý kiến phản hồi của Doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế về tố các hành vi nhũng nhiều và có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ nhằm kiểm soát, ngăn chặn kịp thời hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho DN
Tình trạng những nhiễu khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	55%	61%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤55%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, TX, TP	Thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về những vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị mình.
Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (%luôn luôn/hầu hết)	72%	63%	Giảm tỷ lệ	≤63%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, TX, TP	
Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	73%	79%	Tăng tỷ lệ	≥79%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, TX, TP	

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%)	52%	52%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤52%	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các khoản thu có liên quan đến các loại phí, lệ phí đúng quy định, đảm bảo công khai minh bạc.
Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai(%)	53%	32%	Giảm tỷ lệ	≤32%	Sở Tài nguyên và MT	các đơn vị có liên quan	Tăng cường công tác giáo dục, kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các TTHC ở các cấp, các ngành, đặc biệt là cấp cơ sở. Xử lý nghiêm các cán bộ tự ý đặt ra các khoản thu thủ tục, điều kiện ràng buộc ngoài quy định , nhận chi phí lót tat để đảm bảo trúng thầu. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc làm không đúng của cán bộ.
Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	60%	55%	Giảm tỷ lệ	≤55%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các đơn vị có liên quan	
DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	39%	32%	Giảm tỷ lệ	≤32%	Tòa án nhân dân tỉnh	các đơn vị có liên quan	Triệt tiêu tình trạng chi phí không chính thức trong quá trình giải quyết trnah chấp, giải quyết vụ án. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống tư pháp nhằm đảm bảo các công khai, công bằng, minh bạch

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng	**5.24** (29/63)	**5,14**	**≥5.24** (≤ 29/63)				
Việc tỉnh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN" (% Đồng ý)	38%	41%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤38%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh, Các sở, ban ngành và ĐP	Tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh trong quá trình tiếp xúc, trao đổi, giải quyết khó khăn vướng mắc cho DN, thực hiện hỗ trợ DN phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Không để xảy ra trường hợp như: ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của nhà nước gây khó khăn cho DN tư nhân; ưu tiên giải quyết khó khăn cho DN nước ngoài hơn là DN trong nước; ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển DN tư nhân .... Triệt tiêu tình trạng ưu ái, trao đặc quyền về tiếp cận đất đai, tín dụng, khai thác khoáng sản, giải quyết thủ tục hành chính, nhận các hợp đồng từ Nhà nước cho các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Chủ động đề xuất cắt giảm thủ tục không cần thiết trong lĩnh vực đất đai, môi trường để tránh tình trạng gây phiền hà, khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.
DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	40%	44%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤40%	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn(% Đồng ý)	28%	27%	Giảm tỷ lệ	≤27%	Sở KH&ĐT, Ban QL các KCN	Văn phòng UBND tỉnh, Các sở, ban ngành và ĐP	
Ưu đãi DN lớn(nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)	50%	54%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤50%	Sở Kế hoạch và Đầu tư,		
DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	31%	30%	Giảm tỷ lệ	≤30%	Sở TN và MT	Văn phòng UBND tỉnh, Các sở, ban ngành và ĐP	
DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	25%	28%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤25%	Sở TN và MT		
DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	23%	19%	Giảm tỷ lệ	≤19%	Sở TN và MT	Văn phòng UBND tỉnh, Các sở, ban ngành và ĐP	

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	31%	29%	Giảm tỷ lệ	≤29%	Ngân hàng nhà nước tỉnh	Các chi nhánh ngân hàng TM trên địa bàn tỉnh	Triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra các ngân hàng TM trên địa bàn tỉnh về việc cung cấp tín dụng cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp đảm bảo nguyên tắc, thể lệ cho vay theo quy định, không có tình trạng ưu ái, trao đặc quyền tiếp cận tín dụng cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước.
DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	23%	25%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤23%	Trung tâm HCC	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Tổ chức hoạt động hiệu quả Trung tâm hành chính công tỉnh và các bộ phận một cửa các cấp nhằm cung cấp thông tin và thực hiện các dịch vụ công, tạo sự thuận lợi trong giải quyết các TTHC cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.
DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	17%	21%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤17%	Trung tâm HCC; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban QL các KCN	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước trong ưu tiên giải quyết các vấn đề khó khăn, ưu đãi đầu tư, tiếp cận đất đai, miễn giảm thuế, thủ tục hành chính, hỗ trợ đầu tư,...
DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	19%	23%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤19%	VP UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Công bố công khai danh mục các dự án thu hút đầu tư trên website của tỉnh, sở, ngành. Thực hiện đúng quy định của Luật đấu thầu, đảm bảo cạnh tranh công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lựa chọn nhà thầu kể ký kết và thực hiện hợp đồng. Không để xảy ra trường hợp Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan nhà nước là đặc quyền dành cho tập đoàn kinh tế nhà nước.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	79%	74%	Giảm tỷ lệ	≤74%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Công khai các quy định về chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh để các thành phần kinh tế dễ dàng tiếp cận và lựa chọn địa bàn, ngành nghề đầu tư có lợi nhất. Triệt tiêu tình trạng ưu ái, trao đặc quyền về tiếp cận đất đai, tín dụng, khai thác khoáng sản, giải quyết thủ tục hành chính, nhận các hợp đồng từ Nhà nước cho các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.
Tỉnh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)	37%	46%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤37%	VP UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban QL các KCN	Đối xử bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận ưu đãi, hỗ trợ, tiếp cận nguồn vốn, cơ chế chính sách... Đồng thời, không phân biệt đối xử và ưu đãi riêng đối với đối với một số doanh nghiệp, đảm bảo bình đẳng trong việc thu hút đầu tư
DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý)	16%	18%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤16%	Cục Thuế tỉnh	các đơn vị có liên quan	Thực hiện nghiêm quy định về thuế Thu nhập doanh nghiệp.
Chỉ số Tính năng động	**5.21 (44/63)**	**5,44**	**≥5.44 (≤ 35/63)**				
UBND tỉnh vận dụng PL linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN(%)	58%	78%	Tăng tỷ lệ	≥78%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Văn phòng UBND tỉnh, Các Sở, ban, ngành và Địa phương tham mưu cho Lãnh đạo UBDN tỉnh giải quyết kịp thời 100% kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đề xuất với UBND cơ chế, chính sách linh hoạt và giải pháp tháo gỡ trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	46%	58%	Tăng tỷ lệ	≥58%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Văn phòng UBND tỉnh, Các Sở, ban, ngành và Địa phương tích cực tham mưu cho lãnh đạo UBND tỉnh giải quyết một cách sáng tạo, năng động đối với những vấn đề phát sinh mới, làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh và cản trở doanh nghiệp.
Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực(%)	49%	45%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥49%	VP UBND tỉnh;	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước trong ưu tiên giải quyết các vấn đề khó khăn, ưu đãi đầu tư, tiếp cận đất đai, miễn giảm thuế, thủ tục hành chính, hỗ trợ đầu tư,...
Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành(%)	77%	77%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥77%	Các Sở, ban, ngành	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Chủ động thực hiện có hiệu quả các ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh đối với các lĩnh vực có liên quan đến hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp.
Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị (%)	46%	59%	Tăng tỷ lệ	≥59%	UBND huyện, TX, TP		
Khi CS,PL TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường "đợi xin ý kiến chỉ đạo"/"không làm gì cả)	31%	31%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥31%	VP UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Các đơn vị có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh, Các Sở, ban, ngành và Địa phương tham mưu đề xuất cho UBDN tỉnhkiến nghị TW xem xét, sửa đổi, giải quyết trong thời gian sớm nhất tạo thuận lợi cho DN trển khai dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh.
Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN(%)	63%	67%	Tăng tỷ lệ	≥67%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	VP UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Tiếp tục đổi mới và đa dạng hóa các hình thức đối thoại, gặp gỡ trao đổi với doanh nghiệp, tích cực tháo gỡ vướng mắc, trở ngại cho doanh nghiệp theo hướng tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc(%)	93%	94%	Tăng tỷ lệ	≥94%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	VP UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương nhanh chóng giải đáp, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho DN, trường hợp phức tạp báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết đảm bảo nhanh chóng, tạo thuận lợi tốt nhất cho DN, Nhà đầu tư. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng cho DN, mang lại sự hài lòng cho DN, Nhà đầu tư.
Tỉ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh(%)	76%	77%	Tăng tỷ lệ	≥77%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	VP UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	
Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	**6.94** (11/63)	**6,61**	**≥6.94%** (≤ 11/63)				
Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua (BCT)	15	10	Duy trì mức điểm năm 2017	≥15	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chương trình Xúc tiến thương mại hàng năm. Duy trì và đổi mới các chương trình tổ chức Hội chợ trong và ngoài tỉnh, tăng cường công tác hỗ trợ DN trong công tác tham gia , tổ chức các Hội chợ, các chương trình kết nối cung cầu, thúc đẩy giao dịch thương mại cho các DN.
Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (%, TCKT)	0,56%	1,15%	Tăng tỷ lệ	**≥1.15 %**	Sở KHĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Thực hiện các giải pháp khuyến khích các DN tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ trên địa bàn
Tỉ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%, TCTK)	67%	70%	Tăng tỷ lệ	**≥70%**	Sở KHĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)	66%	54%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥66%	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Tham mưu cơ chế chính sách linh hoạt để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại từ tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài,
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT(%)	57%	62%	Tăng tỷ lệ	≥62%	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)		81%	71%	Duy trì mức điểm năm 2017	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	
DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)	60%	60%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥60%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Xây dựng và khai thác các cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của DN. Rà soát cập nhật thường xuyên các văn bản QPPL của TW và của tỉnh ban hành về kinh doanh; các văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động của DN; Giải đáp và tư vấn pháp luật cho DN theo phạm vi quản lý ngành có liên quan đến hoạt động của DN. Triển khai hoạt động thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho DN nhỏ và vừa; kịp thời giải đáp các vướng mắc của DN về những quy định của pháp luật kinh doanh.
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)	48%	50%	Tăng tỷ lệ	≥50%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL(%)	81%	66%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥81%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD)(%)	49%	46%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥49%	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Thực hiện có hiệu quả Chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư của tỉnh. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ chi phí cho DN thực hiện xúc tiến thương mại trong và ngoài nước đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh. Xây dựng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tìm đối tác kinh doanh để cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp của tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp dân doanh. Xây dựng và in ấn các thông tin phục vụ cho hoạt động XTTM trên địa bàn tỉnh giúp cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận cơ chế chính sách, danh mục dự án đầu tư, định hướng phát triển KTXH
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	59%	75%	Tăng tỷ lệ	≥75%			
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD(%)	94%	67%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥94%			
DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	61%	59%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥61%			
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	36%	47%	Tăng tỷ lệ	≥47%			
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM(%)	86%	60%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥86%			
DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	55%	54%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥55%	Sở KHCN	Các Sở, ban, ngành và UBND huyện, TX, TP	Triển khai có hiệu quả các dịch vụ công nghệ để cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho DN, đặc biệt là DN dân doanh. Thường xuyên nghiên cứu cải thiện, nâng cao chất lượng những dịch vụ nêu trên. Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án nâng cao năng suất và chất lượng hàng hóa của tỉnh.
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	33%	63%	Tăng tỷ lệ	≥63%			
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ(%)	75%	63%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥75%			

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTC)(%)	59%	57%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥59%	Sở Giáo dục và đào tạo	Sở LĐ, TB và XH và các đơn vị liên quan	Củng cố và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo cung cấp dịch vụ đào tạo về Tài chính, kế toán và quản trị kinh doanh đảm bảo cung ứng nguồn lao động đáp ứng được yêu cầu của Doanh nghiệp
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	48%	61%	Tăng tỷ lệ	≥61%			
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	83%	67%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥83%			
DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD) (%)	53%	52%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥53%			
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	39%	64%	Tăng tỷ lệ	≥64%			
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	89%	67%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥89%			
Chỉ số Đào tạo lao động	**6.22** (40/63)	**6,45**	**≥6.45** (≤ 30/63)				
Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	49%	58%	Tăng tỷ lệ	≥58%	Sở Giáo dục và đào tạo	Sở LĐ, TB và XH và các đơn vị liên quan	Tiếp tục thực hiện tốt nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề ại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	25%	38%	Tăng tỷ lệ	≥38%	Sở Lao động TB và XH	Sở Giáo dục và đào tạo; Sở KHĐT và các Sở, ban, ngành, Địa phương	Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh công tác tuyển sinh dạy nghề; gắn đào tạo nghề với tư vấn, giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động mất việc làm do ảnh hưởng suy thoái kinh tế hoặc chuyển đổi ngành nghề; tổ chức thực hiện tốt các chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo quy định. Xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm dịch vụ việc làm; đẩy mạnh cung cấp thông tin về thị trường lao động, tăng tần suất tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các DN tham gia các phiên giao dịch việc làm và người lao động đến kết nối việc làm.
ỐN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu /iệc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	54%	63%	Tăng tỷ lệ	≥63%			
ỐN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân :ho dịch vụ GTVL (%)	62%	64%	Tăng tỷ lệ	≥64%			
ỐN có ý định tiếp tục sử dụng dịch /ụ GTVL (%)	77%	63%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥77%			
Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)	6,15	5,98	Giảm tỷ lệ	≤5.98			
Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)	2,79	4,9	Duy trì mức điểm năm 2017	≤2.79			
Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu :ầu sử dụng của DN (%)	86%	90%	Tăng tỷ lệ	≥90%			
Tỉ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo(%, BLĐTBXH)	5%	5%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤5%			
Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%, BLĐTBXH)	8%	8%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤8%			
Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	45%	48%	Tăng tỷ lệ	≥48%			

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Chỉ số Thiết chế pháp lý	**6.17** (19/63)	**5,94**	**≥6.17** (≤ 19/63)				
Tin tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/thực thi hợp đồng của DN(%)	81%	85%	Tăng tỷ lệ	**≥85%**	Thanh tra tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Thực hiện cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để đảm bảo mọi phản ánh, khiếu kiện của DN, người dân đều được ghi nhận, giải quyết kịp thời và trả lời cho Doanh nghiệp.
Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ nhũng nhiễu DN(%)	31%	36%	Tăng tỷ lệ	**≥36%**	Thanh tra tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Phối hợp với Sở Nội vụ, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch liên kết kiểm tra, giám sát CBCC thực thi nhiệm vụ để khắc phục những nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với doanh nghiệp, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực của CBCC trong thực hiện nhiệm vụ.
Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án(%)	79%	79%	Duy trì mức điểm năm 2017	**≥79%**	Tòa án nhân dân tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Triệt tiêu tình trạng chi phí không chính thức trong quá trình giải quyết tranh chấp, giải quyết vụ án. Thể hiện tính công bằng, nghiêm minh trong quá trình xét xử. Bảo đảm Tòa án các cấp của tỉnh xử lý các vụ kiện kinh tế nhanh chóng và phán quyết của tòa án được đảm bảo thi hành.
Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ nhũng nhiễu(%)	23%	30%	Tăng tỷ lệ	**≥30%**	Sở Tư pháp	Các đơn vị có liên quan	Tiếp tục thực hiện tốt các chương tình Hỗ trợ pháp lý cho DN. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho DN trên địa bàn tỉnh.

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	68%	73%	Tăng tỷ lệ	≥73%	Sở Tư pháp	Các đơn vị có liên quan	Đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự để DN tin tưởng vào sự bảo vệ của pháp luật
Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	68%	68%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥68%	Cục thi hành án	Các đơn vị có liên quan	
Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN (TATC)	0,28	0,46	Duy trì mức điểm năm 2017	≤0.28			
Tỉ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Toà án tỉnh (%, TATC)	43%	82%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤43%			
DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	46%	36%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥46%			
Tỉ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm(%, TATC)	95%	80%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥95%	Tòa án nhân dân tỉnh	các đơn vị có liên quan	Thông tin tuyên truyền để khuyến khích doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp. Nâng cao chất lượng quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án và xét xử trong thời hạn luật định
Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	83%	83%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥83%			
Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	68%	66%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥68%			
Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật(%)	88%	88%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥88%			

Nội dung	Điểm năm 2017 (Vị trí xếp hạng/63)	Điểm trung vị năm 2017 *(63 tỉnh thành)*	Mục tiêu năm 2018 (Điểm số và xếp hạng)	Lũy kế	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công nhiệm vụ
Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt(%)	64%	56%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥64%	Công an tỉnh	các đơn vị có liên quan	Chủ trì, phối hợp với các địa phương và các cơ quan liên quan, có giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần liên quan đến An ninh trật tự, đảm bảo mục tiêu yêu cầu của tỉnh (Theo chỉ số thành phần PCI đề ra) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn, đảm bảo ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN; Chủ động nắm bắt tình hình diễn biến hoạt động của DN trên địa bàn tỉnh để kịp thời ứng phó và cung cấp thông tin cho các cơ quan đầu mối quản lý DN trong trường hợp cần thiết.
Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	7%	14%	Duy trì mức điểm năm 2017	≤7%			
CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%)	80%	71%	Duy trì mức điểm năm 2017	≥80%			
Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn(%)	4%	3%	Giảm tỷ lệ	≤3%			